

Số: 145 /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 31 tháng 12 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 8 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 549/TTr-STC ngày 26 tháng 12 năm 2025

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

2. Các quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 05/01/2023 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL và Quản lý xử lý VPHC (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- TT TU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Phú Thọ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- CV NCTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Duy Đông

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ
phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân
nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Phú Thọ nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

b) Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 8 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 313/2025/NĐ-CP) và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh Phú Thọ thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy chế này.

b) Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

c) Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp, gắn quyền

hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức và các đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên cung cấp viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của Bên cung cấp viện trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Không tiếp nhận các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương II

LẬP HỒ SƠ, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 3. Lập hồ sơ khoản viện trợ

Chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ lập hồ sơ văn kiện dự án, phi dự án theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP. Kết cấu văn kiện dự án, phi dự án theo mẫu tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Cơ quan chủ trì thẩm định

Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Chương III

QUẢN LÝ VIỆN TRỢ

Điều 6. Quản lý thực hiện viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện dự án, năng lực tổ chức quản lý dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý, dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Chủ khoản viện trợ phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ. Trên cơ sở quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý dự án và thực hiện quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ, vốn đối ứng của dự án theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp thành lập Ban quản lý dự án đại diện cho chủ khoản viện trợ, Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

5. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được thực hiện quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.

6. Bán hàng hóa thuộc khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

7. Chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, đánh giá, tiến hành các biện pháp cần thiết khác để khai thác, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

8. Trường hợp xảy ra tranh chấp trong quá trình thực hiện thì thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản thanh toán cho dự án sử dụng vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ thực hiện mở tài khoản cho dự án theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

5. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện khoản viện trợ:

a) Thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

b) Đối với dự án, phi dự án được cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ đề xuất Sở Tài chính; Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh cân đối vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật và phân định rõ theo nguồn vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên tương ứng với nội dung chi tiêu của dự án, phi dự án; bảo đảm bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ quy định trong Văn kiện dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Đối với dự án, phi dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách nhà nước có thời điểm phê duyệt không trùng với kỳ lập dự toán ngân sách hàng năm, chưa được bố trí vốn đối ứng: chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị Sở Tài chính để xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào dự toán ngân sách hàng năm. Trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện dự án, phi dự án không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hàng năm, chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị Sở Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào kế hoạch vốn hàng năm hoặc tạm ứng vốn và sau đó khấu trừ vào kế hoạch năm tiếp theo.

6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Đối với khoản viện trợ mà chủ khoản viện trợ là cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động: Chủ khoản viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị vận động khoản viện trợ gửi Sở Tài chính thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm hoặc bổ sung theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương): Chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ;

c) Trường hợp Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị dự án, phi dự án: Chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

7. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa, thuế đối với các khoản viện trợ, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Quản lý tài sản viện trợ

1. Quản lý tài sản đối với tài sản của khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

2. Đối với tài sản của khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định 313/2025/NĐ-CP.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các khoản viện trợ theo thẩm quyền; đề xuất giao cơ quan chuyên ngành chủ trì tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan Trung ương theo quy định.

b) Đối với trường hợp khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính

Là cơ quan đầu mối về quản lý, sử dụng, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý tài chính các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn kiện dự án, phi dự án trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ không hoàn lại đã cam kết với bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, phê duyệt, triển khai thực hiện theo thẩm quyền đối với các cơ quan, đơn vị tiếp nhận viện trợ theo quy định. Xử lý các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền.

d) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ; Báo cáo định kỳ 6 tháng về tình

hình giải ngân, sử dụng viện trợ từ viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh theo quy định tại khoản 8 Điều 13, Điều 33 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

đ) Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Công an tỉnh

a) Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

b) Chủ trì thẩm định theo thẩm quyền và góp ý kiến với các cơ quan chủ quản về các khoản viện trợ theo quy định.

c) Phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

d) Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

đ) Tiến hành rà soát, xác minh, xét duyệt nhân sự đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thực hiện, quản lý, giám sát dự án viện trợ, quản lý hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú và các hoạt động khác của tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng khuôn khổ dự án.

4. Kho bạc Nhà nước khu vực VIII

a) Mở và quản lý tài khoản tại Kho bạc Nhà nước cho các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

b) Thực hiện kiểm soát chi, thanh toán, hạch toán kế toán các khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với cơ quan tài chính và các cơ quan liên quan trong việc đối chiếu số liệu, tổng hợp, báo cáo, quyết toán các khoản viện trợ không hoàn lại theo quy định.

5. Sở Ngoại vụ:

a) Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài về thủ tục và trong việc khảo sát, xây dựng và triển khai các dự án tài trợ theo quy định của pháp luật; tổng hợp, xây dựng các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác phi chính phủ nước ngoài báo cáo UBND tỉnh, Bộ Ngoại giao, Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; thẩm định tư cách pháp nhân của Bên cung cấp viện trợ là các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và phối hợp thẩm định năng lực của các nhà tài trợ khác theo quy định. Phối hợp với Sở Tài chính trong công tác hướng dẫn thủ tục trình tiếp nhận các khoản viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức.

c) Chủ trì, phối hợp với liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh tham mưu giúp UBND tỉnh trong công tác vận động viện trợ, báo cáo hằng năm kết quả vận động viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định hiện hành.

đ) Chủ động tham mưu định kỳ (hoặc đột xuất) việc thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn trong việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế hoặc vi phạm chỉ đạo, quy định của Đảng, Nhà nước về công tác phi chính phủ nước ngoài.

6. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan liên quan khác trên địa bàn tỉnh:

a) Thực hiện tiếp nhận, triển khai và quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo quy định. Không để xảy ra trường hợp tiếp nhận khoản viện trợ chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đối với các khoản viện trợ được các cơ quan Trung ương tiếp nhận theo thẩm quyền, phân bổ về địa phương cần kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi phối hợp thực hiện.

b) Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

c) Hướng dẫn đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, triển khai thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo quy định.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Công an tỉnh khi phát hiện những dấu hiệu, hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng viện trợ.

đ) Ủy ban nhân dân các xã, phường: Tạo điều kiện về mặt bằng (nếu có) để thực hiện các dự án, phi dự án theo nội dung văn kiện đã ký kết; giao Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế- Hạ tầng- Đô thị làm đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn.

e) Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng (chậm nhất vào ngày 05 tháng 7) và hàng năm (chậm nhất vào

ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo) gửi Sở Tài chính để tổng hợp. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ (chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện) và thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế; các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh bằng văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./.